

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HOÁ**

Bản án số: 106/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 09/11/2018

V/v: Ly hôn, T/c nuôi con khi ly hôn

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TP THANH HOÁ - TỈNH THANH HOÁ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Nguyệt

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Phương Nga ;

2. Ông Lê Văn Luận ;

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Thu Phương - Thư ký TAND thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

- *Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân thành phố Thanh Hóa tham gia phiên tòa:*

Bà Nguyễn Thị Thanh Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 378/2018/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2018 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 147/2018/QĐXX-ST ngày 29 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T – Sinh năm 1983

ĐKKHKT: xã T, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

Chỗ ở hiện nay: xã T, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Đoàn Văn L - Sinh năm 1980

ĐKKHKT: xã T, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

Chỗ ở hiện nay: xã T, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn, bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/9/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị và anh Đoàn Văn L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, tổ chức cưới năm 2004, đến năm 2011 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã T,

huyện T, tỉnh Thanh Hóa (nay là TP T). Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh L ham chơi cờ bạc, lô đề, nghiện ngập không quan tâm đến gia đình vợ con, ngoài ra anh L còn hay ghen tuông vô cớ dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, thỉnh thoảng anh L có đánh chị. Mâu thuẫn càng tăng nhất từ tháng 7/2016, chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại xã T, thành phố T sinh sống. Đến tháng 8/2016, anh L đi cai nghiện ma túy hai năm. Vợ chồng chị sống ly thân từ đó cho đến nay. Đến tháng 8/2018, anh L đi cai nghiện về nhưng tình cảm vợ chồng tôi vẫn không thay đổi, vợ chồng vẫn thường xuyên cãi nhau. Mâu thuẫn của vợ chồng chị đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Nay chị T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài. Mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Đoàn Thị Khánh L2, sinh ngày 19/9/2005 và cháu Đoàn Văn Tuấn A, sinh ngày 12/6/2016. Ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi cả hai con, yêu cầu anh L cấp dưỡng tiền nuôi con chung với chị mỗi tháng 1.000.000đ cho cả hai cháu.

Về tài sản công nợ: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh L trình bày::

Về hôn nhân: Anh L thống nhất với trình bày của chị T về thời gian, điều kiện kết hôn, thời gian sống ly thân, thời điểm phát sinh và nguyên nhân mâu thuẫn. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, tuy nhiên vì con cái anh có nguyện vọng vợ chồng được đoàn tụ, nhưng nếu chị T vẫn cương quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng tôi có 02 con chung là cháu Đoàn Thị Khánh L2, sinh ngày 19/9/2005 và cháu Đoàn Văn Tuấn A, sinh ngày 12/6/2016. Ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi cháu Tuấn A, giao cháu L2 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung với ai.

Về tài sản công nợ: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu anh L cấp dưỡng tiền nuôi con. Anh L xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn, về con cái anh xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đoàn Văn Tuấn A, sinh ngày 12/6/2016, không yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến :

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử :

Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định tại Điều 48 BLTTDS về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp cũng như tư cách của những người tham gia tố tụng, các chứng cứ thu thập, thời hạn chuẩn bị xét xử cũng như gửi hồ sơ cho VKS nghiên cứu trong hạn luật định. Tổng đạt các văn bản cho VKS cũng như người tham gia tố tụng đầy đủ. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử tại phiên tòa HĐXX đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật TTDS về phiên tòa sơ thẩm, nguyên tắc xét xử, thành phần Hội đồng XX.

Đối với nguyên đơn, bị đơn từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay đã có mặt đầy đủ chấp hành đúng các quy định tại các Điều 70,71 Điều 234 Bộ luật Tố tụng Dân sự ;

Về nội dung: Về hôn nhân Chị Nguyễn Thị T và anh Đoàn Văn L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện năm 2004, nhưng đến năm 2011 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố T là hôn nhân hợp pháp .

Quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng cãi vã nhau, nguyên nhân do tính cách quan điểm sống không hợp nhau. Anh L chơi bời nghiện hút, mâu thuẫn trầm trọng nhất là vào tháng 7 năm 2016, chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng đã ly thân từ đó. Nay chị T xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh L không còn, mâu thuẫn lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh L. Anh L cũng xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh cũng đồng ý ly hôn. Chấp nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Đoàn Văn L.

Về con chung: Anh chị có 02 con cháu Đoàn Thị Khánh L2, sinh ngày 19/9/2005 và cháu Đoàn Văn Tuấn A, sinh ngày 12/6/2016. Hiện nay đang sống cùng chị T. Nay ly hôn chị T xin nuôi cả hai cháu, không yêu cầu anh L cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh L đề nghị anh nuôi cháu Tuấn A, chị T nuôi cháu Khánh L2 và không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Tại phiên Tòa án đề nghị nuôi cháu Khánh L2, giao cháu Tuấn A cho chị T nuôi dưỡng. Qua xác minh tại địa phương, ông Long trưởng thôn cung cấp, anh L vừa ra khỏi trung T cai nghiện ma túy, hiện chưa có công ăn việc làm.

Xét thấy hiện nay anh L không có công ăn việc làm đang sống phụ thuộc bố mẹ nên không có điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng con. Hơn nữa cháu Tuấn A đang còn nhỏ, cần thiết phải có sự chăm sóc của người mẹ. Cháu Khánh L2 có nguyện vọng được ở với mẹ. Vì vậy chấp nhận đề nghị của chị T, giao cả hai cháu cho chị T nuôi dưỡng, không yêu cầu anh L phải đóng góp nuôi con chung. Về tài sản, công nợ

chung: Anh chị chưa yêu cầu Tòa án giải quyết vì vậy không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa nhận định:

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Đoàn Văn L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố T là hôn nhân hợp pháp .

Quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận được khoảng 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh L chơi bời nghiện ma túy, thiếu trách nhiệm với vợ con, dẫn đến vợ chồng cãi vã nhau. Mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 8/2016 cho đến nay không ai quan T đến ai. Điều này đã được thể hiện qua lời khai của chị T, anh L và xác nhận của chính quyền địa phương nơi anh chị cư trú. Nay chị T xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh L không còn, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh L. Anh L cũng xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh cũng đồng ý ly hôn. Xét việc thuận tình ly hôn của anh chị là hoàn toàn tự nguyện do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân gia đình công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Đoàn Văn L.

[3] Về con chung: Anh chị có 02 con cháu Đoàn Thị Khánh L2, sinh ngày 19/9/2005 và cháu Đoàn Văn Tuấn A, sinh ngày 12/6/2016. Ly hôn chị T có nguyện vọng nuôi cả hai cháu và không yêu cầu anh L cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh L cũng có nguyện vọng nuôi cháu Đoàn Văn Tuấn A, sinh ngày 12/6/2016 và không yêu cầu chị T cấp dưỡng tiền nuôi con. Thấy rằng anh L là đối tượng nghiện ma túy, không có công việc ổn định, không có thu nhập. Mặt khác cháu Đoàn Văn Tuấn A còn bé chưa đủ 36 tháng tuổi, đối với cháu L2 có nguyện vọng được ở với mẹ, vì vậy việc giao cho anh L nuôi con là không đảm bảo được cuộc sống ổn định cho các cháu. Chị T có công ăn việc làm, có thu nhập ổn định, lâu nay các cháu vẫn ở với chị, chị T là mẹ có thời gian gần gũi và chăm sóc con tốt hơn, nên giao cho chị trực tiếp nuôi dưỡng các cháu Đoàn Thị Khánh L2, Đoàn Văn Tuấn A là phù hợp với quy định pháp luật và đảm bảo quyền L cho các cháu. (khoản 3 Điều 81, 82,83 Luật HNGĐ). Về tiền cấp dưỡng nuôi con, chị T không yêu cầu anh L cấp dưỡng tiền nuôi con vì anh L hiện không có công việc, thu nhập ổn định. Xét đây là sự tự nguyện của chị T nên chấp nhận.

[4] Về tài sản, công nợ chung: Chị T, anh L chưa yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 55, 81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 271; 273 BLTTDS. Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27, khoản 1.1 điều 1 phần I, mục A Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án

1. Về hôn nhân: Xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Đoàn Văn L.

2. Về con: Giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu: Đoàn Thị Khánh L2, sinh ngày 19/9/2005 và cháu Đoàn Văn Tuấn A, sinh ngày 12/6/2016. Anh L không phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Anh L có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản, công nợ chung: Chị T và anh L chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị đã nộp theo biên lai số: A/A/2017/0006520 ngày 04/10/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa. Chị T đã nộp đủ.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. /.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TPTH;
- Chi cục THA DS TP. Thanh Hoá;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Thị Nguyệt